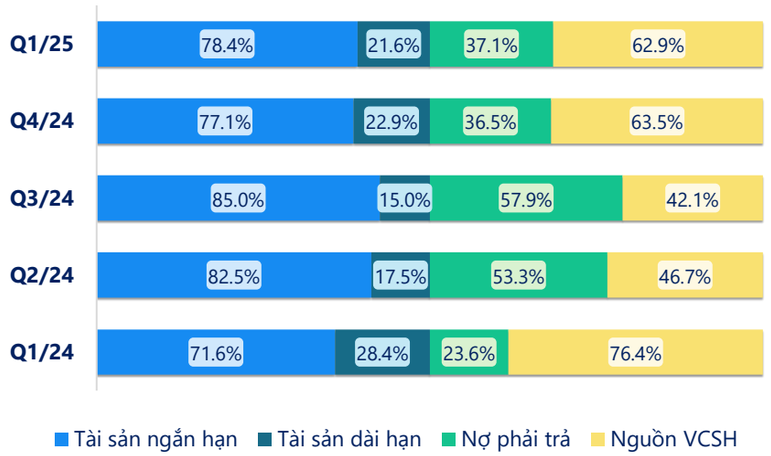
FireAnt

CTCP Ngân Sơn (HNX: NST)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	11,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,280
SL cổ phiếu LH	11,202,003
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,915
% sở hữu nước ngoài	3.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	124
P/E	7.0
EPS	1,578

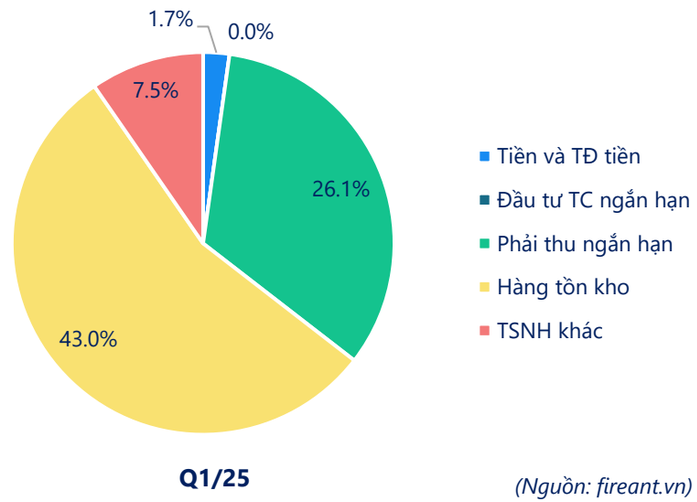
	YTD	1T	3T	6T
NST	2.8%	-0.9%	1.8%	0.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



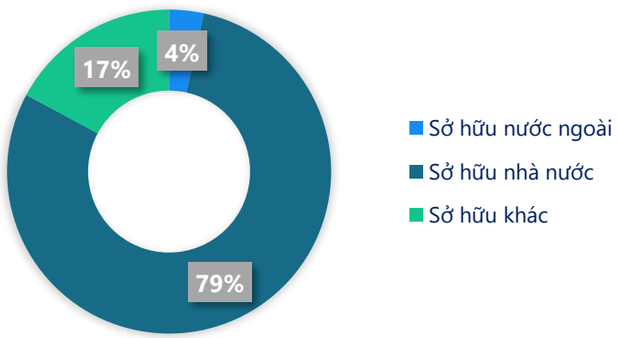
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



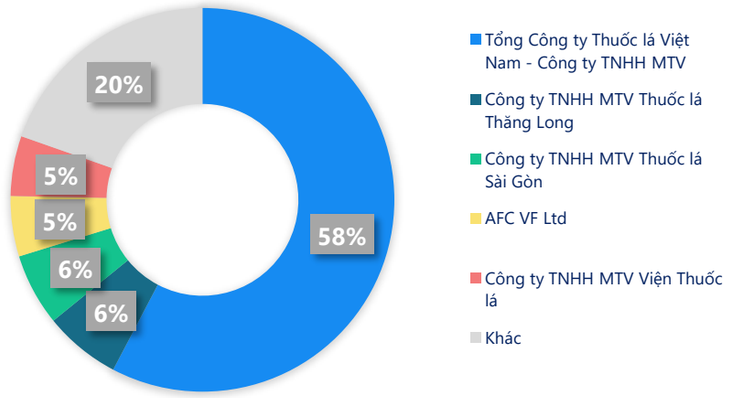
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



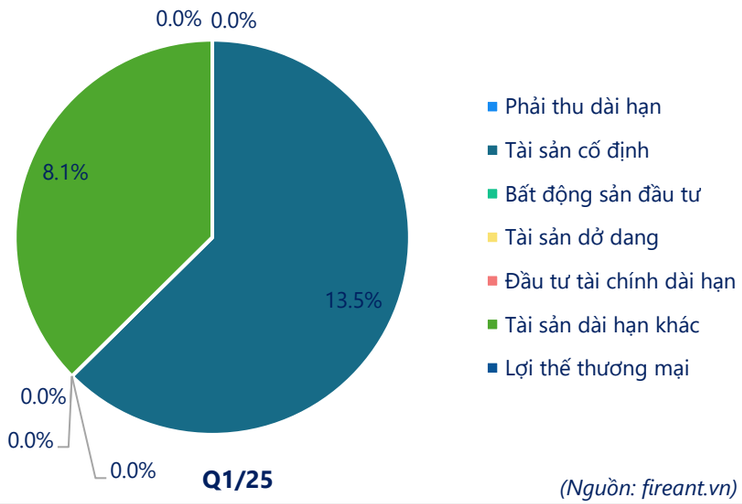
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

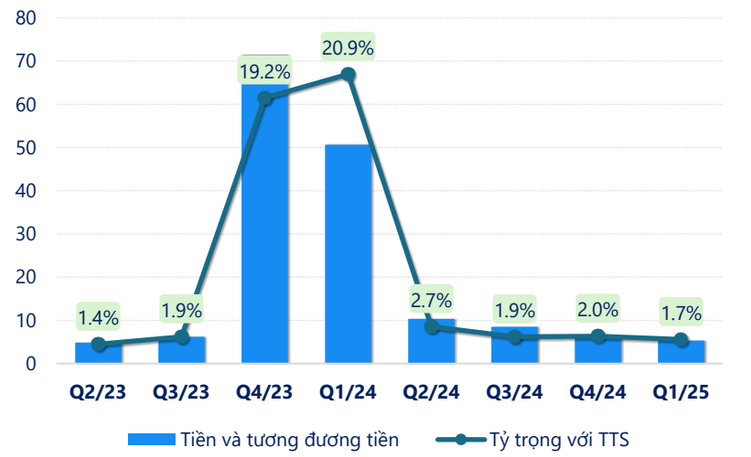


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

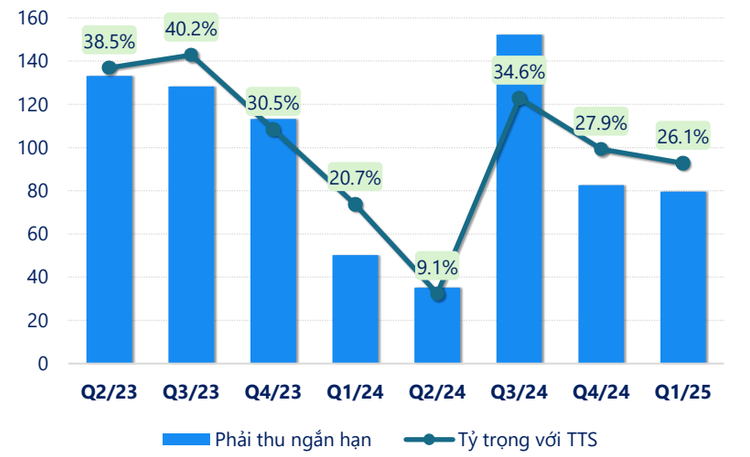
CTCP Ngân Sơn (HNX: NST)

Tiền và tương đương tiền



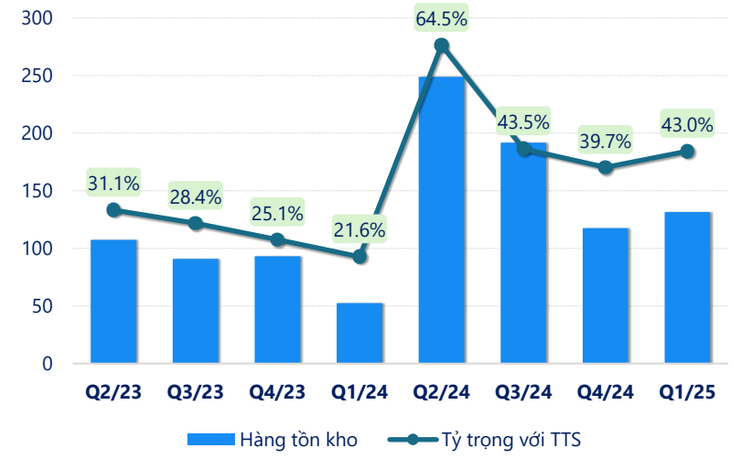
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



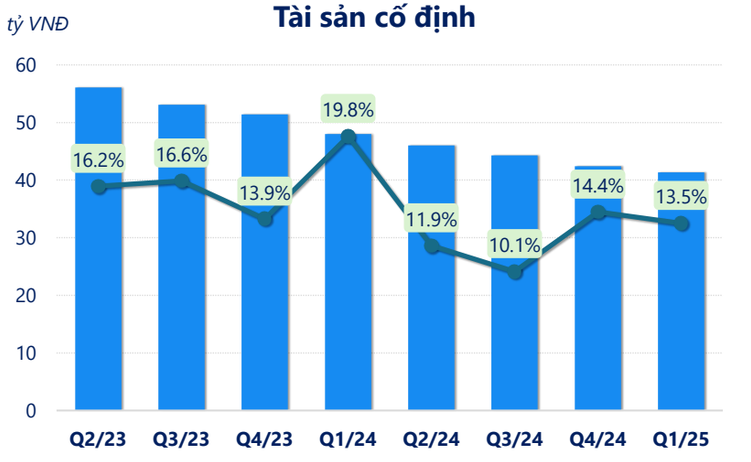
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



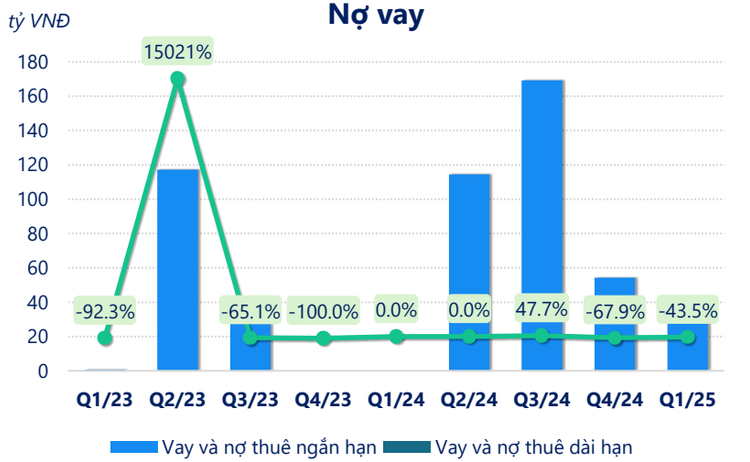
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



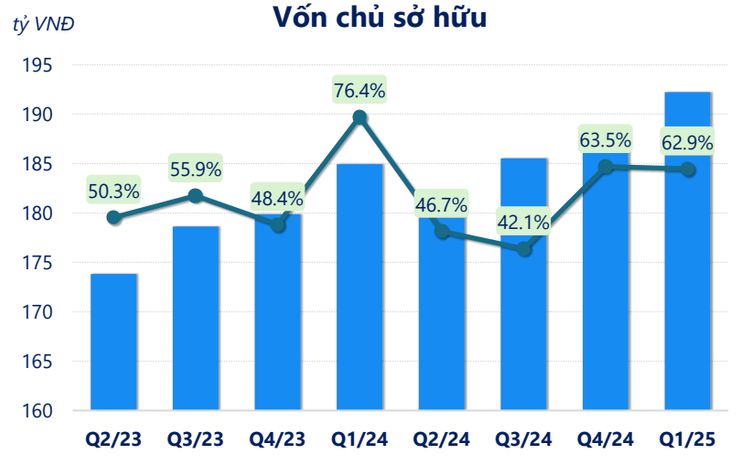
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

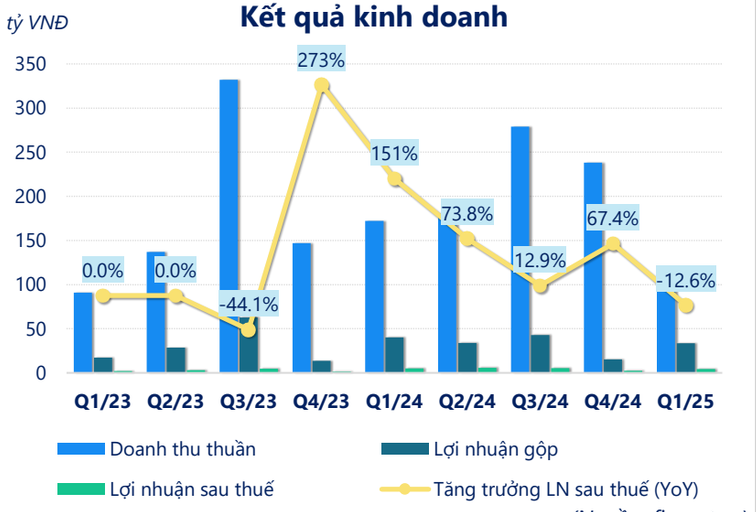


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

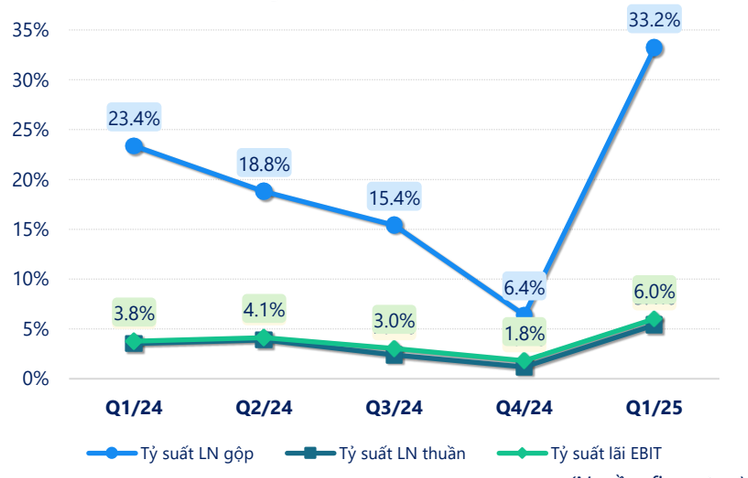
CTCP Ngân Sơn (HNX: NST)

Kết quả kinh doanh



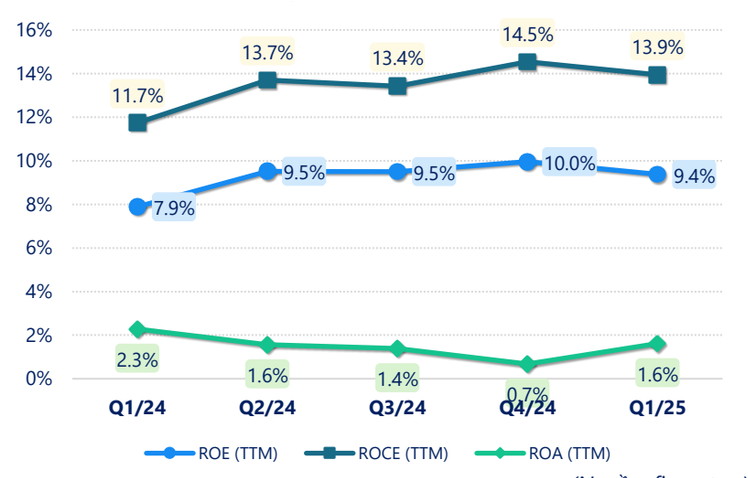
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



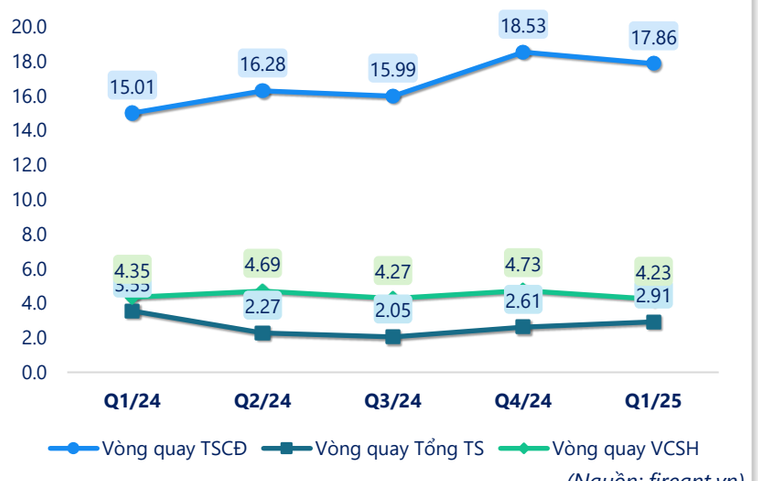
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



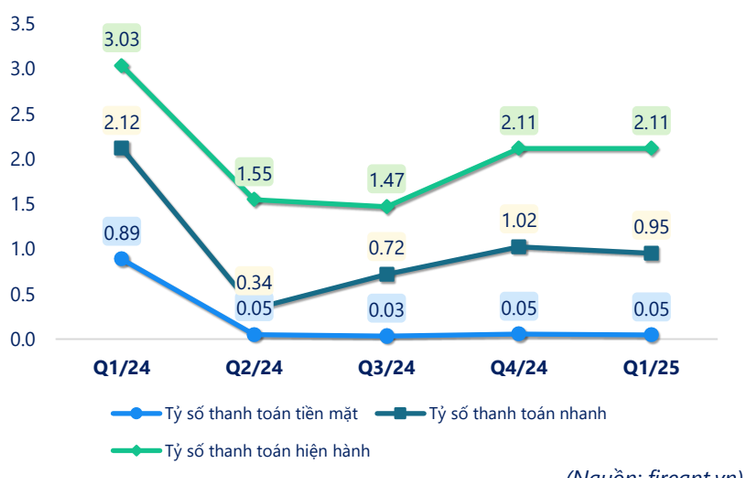
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



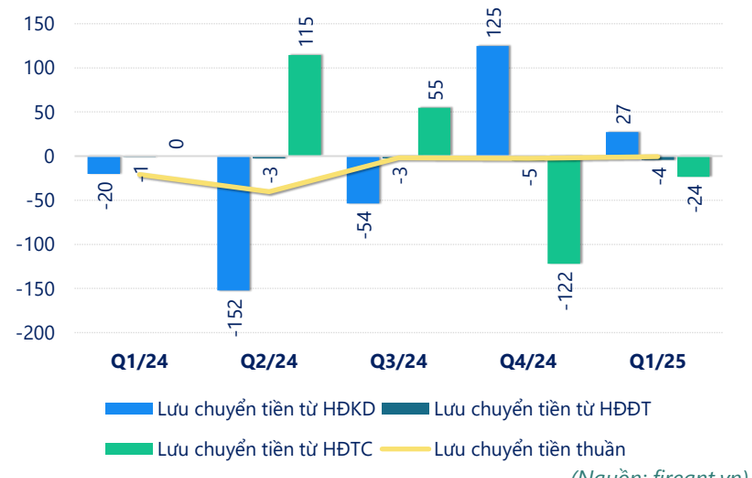
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Ngân Sơn (HNX: NST)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**305**	**296**	**3.4%**
Tài sản ngắn hạn	239	228	5.1%
Tiền và tương đương tiền	5.30	5.88	-9.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	79.6	82.5	-3.5%
Hàng tồn kho	131	117	11.9%
Tài sản ngắn hạn khác	23.1	22.0	5.0%
Tài sản dài hạn	**66.1**	**67.8**	**-2.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	41.4	42.4	-2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**24.7**	**25.3**	**-2.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	113	108	5.1%
Nợ ngắn hạn	**113**	**108**	**5.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.7	54.3	-43.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	46.2	11.7	294%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**192**	**188**	**2.4%**
Vốn chủ sở hữu	**192**	**188**	**2.4%**
Vốn điều lệ	112	112	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	172	180	279	238	101
Giá vốn hàng bán	132	146	236	223	67.3
Lợi nhuận gộp	40.2	33.8	42.9	15.2	33.4
Doanh thu HĐTC	1.17	0.65	0.14	0.52	0.32
Chi phí TC	0.38	0.24	1.86	2.73	1.72
Chi phí lãi vay	0.16	0.24	1.86	1.35	0.52
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.10	4.50	8.53	4.17	3.01
Chi phí QLDN	30.8	22.7	26.0	6.02	23.6
LN thuần từ HĐKD	6.07	7.01	6.67	2.83	5.43
Lợi nhuận khác	0.26	0.19	-0.05	0.13	0.10
LN trước thuế	6.33	7.21	6.62	2.96	5.53
Lợi nhuận sau thuế	5.06	5.72	5.26	2.27	4.43
LNST của CĐ cty mẹ	5.06	5.72	5.26	2.27	4.43

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-20.1	-152	-53.7	125	27.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.85	-2.53	-2.78	-5.40	-4.28
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	115	54.7	-122	-23.7
Tiền đầu kỳ	71.4	50.7	10.3	8.52	5.88
Lưu chuyển tiền thuần	**-20.9**	**-40.3**	**-1.82**	**-2.64**	**-0.58**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.24	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	50.7	10.3	8.52	5.88	5.30

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic